

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/03/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	406	TD3+PPD	7:25	21+1	0+0		19+3	0+0	
2	427	P4+TD5	7:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
3	406	PVD2+TD5	7:25	12+10	0+0		8+14	0+0	
4	427	P10+PVD2	9:25	3+19	0+0		0+22	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
4 NGƯỜI TD3 VỀ BỜ QUA TD5



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/03/2018	TO: TD3 - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Vận - DUONG - THỤ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN HIEU	TD3	85	1	4	46	74	KHOAN	Vietnamese
2	GONCHAROV S.A	TD3	82	1	8	50	100	KHOAN	Russian
3	LE VAN TUAN	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
4	LE ANH XUAN	TD3					73	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN HAI NAM	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
6	HA VAN PHUC	TD3					81	KHOAN	Vietnamese
7	BUI HUU VUNG	TD3	70	1	7		86	KHOAN	Vietnamese
8	DOAN QUANG BAC	TD3	80	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGO VAN KIEM	TD3	84	1	14		66	KHOAN	Vietnamese
10	CHU VAN THANG	TD3	83	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN TUAN ANH	TD3	71	1	3		85	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN NGOC TUAN	TD3	73	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
13	VU NGOC THANH	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM VAN BIEN	TD3	76-77	2	8		66	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DINH QUY	TD3	81	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
16	LE VIET HUNG	TD3	79	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN CONG AN	TD3	78	1	2		63	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN CONG MINH	TD3	75	1	5	118	75	KHOAN	Vietnamese
19	DANG XUAN LUU	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN HUU NHAN	TD3	72	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN TRONG VIET	TD3	74	1	2		68	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN TRI PHUONG	PPD	58-59	2	12		67	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	21	16	75	1.516	214	19		
2	PPD	1	2	12	67	0	3		
TOTAL		22	18	87	1.583	214	22		
WEIGHT KG				87	1.583	214			

GRAND TOAL: 1.884 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/03/2018	TO: P4 - CLO - TD5	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LBinh - TTrung - DKHÁNH	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ MẠNH HOANG	P4	88	1	7		65	CODIEN	Vietnamese
2	MAI THANH TỬ	P4	90-91	2	9	60	65	NHATHAU	Vietnamese
3	TRẦN VĂN MẠNH	P4	89	1	9		82	NHATHAU	Vietnamese
4	SAFONOV	CLO	45	1	9		80	KHOAN	Russian
5	LÊ THANH LAM	TD5	35	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
6	ALEKSANDROV A.A	TD5	12	1	4		82	KHOAN	Russian
7	VANEEV D.V	TD5	10	1	11	20	105	KHOAN	Russian
8	NGUYỄN BẠCH TUNG	TD5	31	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN SƠN	TD5	27	1	9		75	YTE	Vietnamese
10	PHẠM VĂN BÌNH	TD5	400	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	26	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TÂN VINH	TD5	40-41	2	17		79	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TÂN PHƯỚC	TD5	33	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	28	1	7		58	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ ANH NGUYỄN	TD5	30	1	7		57	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN LÊN	TD5	37	1	2		63	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HIỀN	TD5	32	1	2		63	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ DUY TÂN	TD5	36	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VIÊN*TT	TD5	38	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
20	TU DUONG DUNG	TD5	39	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
21	CAO ĐỨC HẢI	TD5	34	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM XUÂN HẢI	TD5	29	1	4		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	3	4	25	212	60	0		
2	CLO	1	1	9	80	0	0		
3	TD5	18	19	115	1.295	20	22		
TOTAL		22	24	149	1.587	80	22		
WEIGHT KG				149	1.587	80			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



VNH SOUTH

FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 13/03/2018	TO: PVD2 - BK10 - TD5	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Văn - DUONG - THU TUNG	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI TRONG TOAN	PVD2	98-99	2	15		78	KHOAN	Vietnamese
2	LE TRUNG SON	PVD2	88	1	10		75	D-HANH	Vietnamese
3	TERRY CLEVELAND	PVD2	85-86	2	16		99	KHOAN	British
4	TRAN VIET ANH	PVD2	96-97	2	20		84	KHOAN	Vietnamese
5	ERWAN TURLIN	PVD2	03	1	10	15	84	KHOAN	French
6	NGUYEN DUY THAI	PVD2	93	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG LONG	PVD2	91-92	2	11		73	KHOAN	Vietnamese
8	TRINH VAN BINH	PVD2	94-95	2	12		69	KHOAN	Vietnamese
9	TRINH QUANG HOA	PVD2	05	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
10	BUI KIM DAT	PVD2	87	1	11		73	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN QUANG TAI	PVD2	90	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN HUU THANH	PVD2	89	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM XUAN THUY	TD5	43	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN HUU HOAN	TD5	44	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
15	DUONG QUOC VIET	TD5	65	1	9		61	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN QUANG UT	TD5	48-49	2	20		75	NHA THAU	Vietnamese
17	TONG VAN THE	TD5	46-47	2	18		73	NHA THAU	Vietnamese
18	PHAM VAN THAI	TD5	98-99	2	20		80	NHA THAU	Vietnamese
19	KEVIN KING	TD5	02	1	10	20	89	NHA THAU	British
20	MOHAMAD SYAFIK BIN YAACOB	TD5	03	1	10	20	52	NHA THAU	Malaysian
21	TRAN VAN DU	TD5	42	1	4		60	DVL	Vietnamese
22	NGUYEN HOANG LONG	TD5	45	1	7		62	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	12	17	132	927	15	8		
2	BK10	0	0	0	0	0	1		
3	TD5	10	13	109	704	40	13		
TOTAL		22	30	241	1.631	55	22		
WEIGHT KG				241	1.631	55			

GRAND TOAL: 1.927 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/03/2018	TO: P10 - PVD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LBinh - TTrung - DKHANH	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE THANH LONG	P10	77	1	5		80	NHATHAU	Vietnamese
2	ĐẬU ĐÌNH GIANG	P10	78	1	8	20	70	NHATHAU	Vietnamese
3	NGO QUANG KHIEM	P10	76	1	4		57	NHATHAU	Vietnamese
4	VU HOANG YEN	PVD2	31	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
5	DO DANG DUY	PVD2	26	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
6	DINH THANH DONG	PVD2	23	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN MINH HAI	PVD2	21	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
8	LY ANH TUAN	PVD2	30	1	8		85	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN NGOC THUY	PVD2	08	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN HOANG VU	PVD2	07	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
11	DOI DUY DUONG	PVD2	20	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
12	MAI DUONG TUNG	PVD2	19	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	TRINH VAN DUONG	PVD2	09	1	7	30	70	KHOAN	Vietnamese
14	DINH VAN CHAU	PVD2	14	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TAN VUONG	PVD2	18	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG XUAN CANH	PVD2	06	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
17	DUONG TUAN ANH	PVD2	10-11	2	17		57	KHOAN	Vietnamese
18	VU NGOC KHUYEN	PVD2	12-13	2	14	17	67	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM VAN KHIEM	PVD2	24-25	2	17		65	KHOAN	Vietnamese
20	DANG VAN HIEU	PVD2	22	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN THANH PHONG	PVD2	16-17	2	13	13	53	KHOAN	Vietnamese
22	ĐÀO VĂN YẾN	PVD2	15	1	12		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	3	3	17	207	20	0		
2	PVD2	19	23	160	1.295	60	22		
TOTAL		22	26	177	1.502	80	22		
WEIGHT KG				177	1.502	80			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/03/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5+P3+P7	7:25	5+14+3	0+0+0		0+19+3	0+0+0	TRANS 1 PAX P3-P7
2		RP2+RC4-RC3	7:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
3		TD2	7:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
4		BK6+P1	7:25	9+13	0+0		5+15	0+0	
5		TGTH4+TGTH5+AMD	9:25	2+2+18	0+0+0		2+2+18	0+0+0	
6		P7+PPD	9:25	13+9	0+0		9+12	0+0	
7		P2+JS2+TD2	9:25	12+4+6	0+0+0		7+5+10	0+0+0	
8		VSP02+RP2+P1	9:25	7+1+14	0+0+0		0+7+13	0+0+0	
9		P4+HST	11:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
10		P4+P9+P2	11:25	9+0+13	0+0+0		8+0+14	0+0+0	TRANS 1 PAX P9-P2
11		AMD+HSD+JS2	11:25	14+5+3	0+0+0		8+0+14	0+0+0	
12		P5+TD3+BK6	11:25	15+7+0	0+0+0		13+4+4	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
P5-1 NGUOI, BK6-4NGUOI : ĐI VỀ TRONG NGÀY ,



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2018	TO: BK6 - P1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:50
FLIGHT: MI	FROM: VT	CREW: LBinh - Linh - Năm	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG THANG	BK6					70	D-HANH	Vietnamese
2	PHAN NGOC QUYET	BK6					72	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN VAN DUNG	BK6	25	1	6		65	D-HANH	Vietnamese
4	KUSTOV A.	BK6	22	1	5		100	NIPI	Russian
5	TRAN VAN CU	BK6	23	1	4	80	66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH HAI	BK6	29	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
7	LUU ĐỨC TUAN	BK6	24	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	DOLGOPIATOV A	BK6	21	1	7		120	NIPI	Russian
9	NGUYEN QUOC AN	BK6	28	1	6		57	PSV	Vietnamese
10	TSOPANOV A.V	P1	04	1	10		97	KH-THAC	Russian
11	LE HONG QUAN	P1	03-05	3	18		68	YTE	Vietnamese
12	VU XUAN QUY	P1	500	1	10		104	KH-THAC	Vietnamese
13	KISELEV IGOR	P1	95	1	10		95	KH-THAC	Russian
14	MAKAROV O.V	P1	02	1	15		100	KH-THAC	Russian
15	NGUYEN ĐỨC THANG	P1	97	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
16	DUONG CONG LY	P1	94	1	5	40	80	KH-THAC	Vietnamese
17	LE NGOC HAI	P1	96	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN LONG BIEN	P1	95	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN HOANG NHAN	P1	99	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN DUY HUNG	P1	09	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THE VINH	P1	08	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM BA NGAN	P1	98	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	9	7	39	705	80	5		
2	P1	13	15	119	1.021	40	15		
TOTAL		22	22	158	1.726	120	20		
WEIGHT KG				158	1.726	120			

GRAND TOAL: 2.004 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12-Mar-18	TO: RP2 - RC4 - RC3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Phong - CHIEN - THU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVYDOV D.S	RP2	34	1	7		62	KHOAN	Russian
2	LE HOANG THI	RP2	30	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN HAI LAM SON	RP2	18-19	2	13	11	95	YTE	Vietnamese
4	VU TRONG HACH	RP2	36	1	6	15	74	KHOAN	Vietnamese
5	DAO DANH THANH	RP2	16	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	VU CAO BANG	RP2	12	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẬU CAO KHANG	RP2	11	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG HAO	RP2	33	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN ĐỨC THỊNH	RP2	32	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	LE HUY TUYEN	RP2	29	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
11	VU TIEN DUNG	RP2	13-14	2	7		63	KHOAN	Vietnamese
12	TRINH CAO TRONG	RP2	17	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG DUNG	RP2					77	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THIEN TUAN	RP2	15	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM VAN SON	RP2	31	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN QUY TRUNG	RP2	23	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC DANH	RP2	22	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐOAN DINH DUNG	RP2	20	1	10	10	65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG QUE	RP2	25	1	10	15	67	XAYLAP	Vietnamese
20	VU HOANG QUAN	RP2	26	1	4		60	GETRACO	Vietnamese
21	PHAN MANH LINH	RP2	27	1	6		65	GETRACO	Vietnamese
22	ĐINH VAN HUU	RP2	28	1	5		54	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	23	137	1.482	51	16		
2	RC4	0	0	0	0	40	2		
3	RC3	0	0	0	0	40	2		
TOTAL		22	23	137	1.482	131	20		
WEIGHT KG				137	1.482	131			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2018	TO: TD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - Luy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐỨC THỌ	TD2	59	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ MẠNH THĂNG	TD2	60	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
3	KOSHELEV PAVEL	TD2	52	1	6		92	KHOAN	Russian
4	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2					65	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN CÔNG HIẾN	TD2	58	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ QUỐC TOÀN	TD2	61	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
7	BUI NGỌC DŨNG	TD2	62	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THÀNH ANH	TD2	48	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THÀNH TUYẾN	TD2	49	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC DỤC	TD2	63	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN MẠNH CƯỜNG	TD2	30	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM THÀNH GIANG	TD2	50	1	7	30	72	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ BA NAM	TD2	54	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
14	CAO VĂN LỢI	TD2	56	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ VĂN NGHĨA	TD2	46	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ VĂN XUÂN	TD2	64	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
17	ĐINH NGỌC GIANG	TD2	65	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
18	DƯƠNG HAI BĂNG	TD2	57	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	55	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
20	HOÀNG XUÂN HUY	TD2	47	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN VĂN BÌNH	TD2	53	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ HÙNG CƯỜNG	TD2	51	1	4		96	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	21	101	1.637	30	20		
	TOTAL	22	21	101	1.637	30	20		
	WEIGHT KG			101	1.637	30			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2018	TO: P5 - P3 - P7	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Văn - MTuấn - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN HIEN	P5	99	1	2	15	68	DK9	Vietnamese
2	SAGITOV A.S	P5	98	1	10		73	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN TUAN MINH	P5	100	1	7	9	85	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VIET HUNG	P5	96	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
5	TONG XUAN SINH	P5	97	1	14		59	KH-THAC	Vietnamese
6	VU DUY KHUONG	P3	05	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
7	LAM TUAN KHAI	P3					77	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TUAN DAT	P3	08	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	LE KHAI DAT	P3	14-15	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN TRUONG	P3	07	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
11	CHAU DINH TU	P3	04	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN CONG THANH	P3	03	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM HUYNH VU	P3	24	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN CHANH	P3	06	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐANG TUAN ANH	P3	12	1	5		82	CODIEN	Vietnamese
16	LUONG ANH VU	P3	11	1	7	102	63	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC LANG	P3	09	1	6	28	64	T-TIN	Vietnamese
18	PHAM VAN HUU	P3	13	1	5	20	65	GETRACO	Vietnamese
19	LE VAN QUYEN	P3	10	1	2		55	GETRACO	Vietnamese
20	ĐINH VAN TOAN	P7	83-84	2	10	15	65	KH-THAC	Vietnamese
21	LUONG QUOC VUONG	P7					78	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐINH HOAI NAM	P7	85	1	15		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	5	5	37	363	24	0		CHUYEN 1 PAX TU P3 SANG P7
2	P3	14	14	76	943	150	194		
3	P7	3	3	25	228	15	3		
TOTAL		22	22	138	1.534	189	22		
WEIGHT KG				138	1.534	189			

GRAND TOAL: 1.861 KGS

VSP REP.
[Signature]

VNH REP.
[Signature]

CAPTAIN
[Signature]



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2018	TO: AMD - TGTH4 - TGTH5	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Văn - MTuấn - Toan	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN HAI	AMD	58	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
2	DƯƠNG NHẬT QUANG	AMD	51	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN CÔNG DŨNG	AMD	52	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	65	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH BÌNH	AMD	60	1	5	100	80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUANG THANH	AMD	63	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG ANH GIANG	AMD	49	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÌNH TRƯỜNG PHI	AMD	67	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC DUC	AMD	61-62	2	8		86	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÕ BA THANH	AMD	50	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ĐÌNH TUAN	AMD	53	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG ANH SƠN	AMD	59	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG KIẾN	AMD	54	1	12		85	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM ANH DUC	AMD	55-57	3	17		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯỜNG LÊ ANH DŨNG	AMD	74	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
16	DOAN VAN DU	AMD	68	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẠO QUANG THIẾT	AMD	64	1	15		60	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUANG LONG	AMD	66	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ THÀNH DANH	TGTH4	87-88	2	11		63	KH-THAC	Vietnamese
20	PHÙNG MINH HAI	TGTH4	86	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VINH QUANG	TGTH5	84-85	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
22	VÌ TRẦN TẤN THUẬN	TGTH5	82-83	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	18	21	142	1.275	100	18		
2	TGTH4	2	3	18	133	0	2		
3	TGTH5	2	4	28	130	0	2		
TOTAL		22	28	188	1.538	100	22		
WEIGHT KG				188	1.538	100			

GRAND TOTAL: 1.826 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2018	TO: VSP02 - RP2 - P1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: LBinh - Linh - Năm	ETA: 11:30
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THỊ MINH HIẾU	VSP02	07	1	6		46	D-HANH	Vietnamese
2	PHẠM VĂN HOÀN	VSP02	06	1	9		62	D-HANH	Vietnamese
3	PHÙNG ĐÌNH LIÊU	VSP02	11-12	2	13		77	D-HANH	Vietnamese
4	LÊ THỊ NGỌC DIỄM	VSP02	08	1	6	37	54	D-HANH	Vietnamese
5	PHẠM THANH ĐẠT	VSP02	09-10	2	7		63	D-HANH	Vietnamese
6	PHẠM THANH HÀ	VSP02	02	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ THANH TIỀN	RP2	91	1	4	50	53	GETRACO	Vietnamese
8	ĐỖ XUÂN CHƯƠNG	P1	15	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM ANH SƠN	P1	17	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ KIẾN TRUNG	P1	21-22	2	13		77	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ HÙNG THANH	P1	26-27	2	15		55	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	16	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ NAM CƯỜNG	P1	12-13	2	13	20	65	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ HỒNG HẢI	P1	14	1	15		60	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG ĐÌNH KHUÊ	P1	18	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	24	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ĐỨC DŨNG	P1	23	1	10		84	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THĂNG	P1	10-11	2	14		50	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P1	19	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI SONG TOAN	P1	20	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN THIÊN PHƯỚC	P1	25	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	6	8	51	368	37	0		
2	RP2	1	1	4	53	50	0		
3	P1	14	18	121	947	20	13		
TOTAL		21	27	176	1.368	107	13		
WEIGHT KG				176	1.368	107			

GRAND TOAL: 1.651 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2018	TO: P2 - JS2 - TD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: MI	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - Luy	ETA: 11:20
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ DUY TOÀN	P2	71	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN SƠN TRƯỜNG	P2	66	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
3	DUYNG XUAN ĐIẾP	P2	70	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	69	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC HÙNG	P2	72	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT DŨNG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH NAM	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN THIỆN	P2	68	1	10	35	65	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ HUY QUYNH	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	67	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ NGHĨA TÀI	P2	65	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HÙNG	P2	74	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ CÔNG LŨU	P2	73	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN TẬP	JS2	84	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VĂN THAI	JS2	86	1	6	70	60	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI THE DUONG	JS2	85	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NINH VAN SON	TD2	31	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
18	BABUSHEV	TD2	26	1	7		90	ANTOAN	Russian
19	VUONG KIEN QUOC	TD2	27-28	2	15		75	DVL	Vietnamese
20	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	TD2	97	1	7		68	DVL	Vietnamese
21	ĐINH ANH DŨNG	TD2	29	1	4		73	GETRACO	Vietnamese
22	DUYNG VAN PHI	TD2	30	1	7		60	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	13	10	63	851	35	7		
2	JS2	3	3	21	192	70	5		
3	TD2	6	7	43	440	0	10		
TOTAL		22	20	127	1.483	105	22		
WEIGHT KG				127	1.483	105			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12-Mar-18	TO: P7 - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Phong - CHIEN - THU	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI VAN SON	P7	96	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN BAC	P7	70	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN NGOC TUAN	P7	68	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM NGOC SON	P7	72	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	TRINH VAN PHUONG	P7					76	KH-THAC	Vietnamese
6	DOAN DINH PHAC	P7	67	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	LAM DANG GIANG	P7					74	KH-THAC	Vietnamese
8	DANG KHOI NGUYEN	P7	71,73	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
9	VU HUU CHINH	P7	69	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
10	DAO TUAN CHU	P7	99	1	4	70	66	PSV	Vietnamese
11	LE HUU LONG	P7	997	1	5		56	PSV	Vietnamese
12	DO LY KHANH	P7	499	1	5		84	PSV	Vietnamese
13	PHAM VAN TAI	P7	98	1	7		72	PSV	Vietnamese
14	LE NGOC SON	PPD	57	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
15	DUONG DAI THANG	PPD	54	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
16	VU NGOC TUAN	PPD	52	1	6		80	KHI	Vietnamese
17	DOAN VAN TRUC	PPD	56	1	8		65	KHI	Vietnamese
18	PHAM DUC TOAN LOC	PPD	53	1	10		78	KHI	Vietnamese
19	LE THANH TRUNG	PPD	51	1	3		63	KHI	Vietnamese
20	PHAM HONG THAI	PPD	55	1	5		66	KHI	Vietnamese
21	HUYNH NAM LONG	PPD	50	1	9		66	KHI	Vietnamese
22	LE QUANG NINH	PPD					65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	13	12	73	897	70	9		
2	PPD	9	8	55	617	0	12		
TOTAL		22	20	128	1.514	70	21		
WEIGHT KG				128	1.514	70			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12-Mar-18	TO: P4 - HST	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Vận - TUYỀN - Toan	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN TRUNG	P4	14	1	8	40	70	YTE	Vietnamese
2	MARZIEV	P4	26	1	12		80	KH-THAC	Russian
3	SOKOLIUK	P4	29	1	5		76	KH-THAC	Russian
4	VLASOV	P4				31	95	KH-THAC	Russian
5	ĐO HỮU NAM	P4	25	1	12	16	69	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN SĨ TUẤN	P4					61	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN ANH ĐỨC	P4	15	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM DUY QUANG	P4	20	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐAO MINH TUẤN	P4	33	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN KIM SƠN	P4	22	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	18	1	9		55	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THUONG	P4	23	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
13	LAM VAN PHUC	P4	27	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN CHIÊN	P4	31	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH SON	P4	16-17	2	10		76	KH-THAC	Vietnamese
16	LAM XUAN HAI	P4	21	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRƯƠNG ĐÌNH MINH	P4	24	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN PHUOC LỘC	P4	19	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI THANH CAM	P4	36	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN NGOC MINH	P4	28	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN CONG TINH	P4					65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THANH NAM	P4	32	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	20	119	1.559	87	20		
2	HST	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	20	119	1.559	87	22		
WEIGHT KG				119	1.559	87			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12-Mar-18	TO: AMD - HSD - JS2	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:40
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TTrung - Luy	ETA: 13:20
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN CAO TUẤN	AMD	81	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ ANH TUẤN	AMD	77	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐAO QUANG DUNG	AMD					65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN MINH THỦ	AMD	88-89	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN DỤC	AMD	92-93	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TANG THANH AN	AMD	86-87	2	10	130	70	KH-THAC	Vietnamese
7	HOA HONG TINH	AMD	91	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH HOANG	AMD	80	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
9	MOHD IRWANIZA BIN ABU BAKAR	AMD	84-85	2	16		96	KH-THAC	Malaysian
10	SYED SALLEH BIN SYED SALIM ALH	AMD	82-83	2	17		75	KH-THAC	Malaysian
11	HUYNH LÊ BAO THANH	AMD	75-76	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỒNG SƠN	AMD	79	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ BA TU	AMD	78	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
14	SYED SALIM BIN SYED	HSD	77-78	2	15		65	KH-THAC	Malaysian
15	NGUYỄN MẠNH HÙNG	HSD	79	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN TINH	HSD	75	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ VIỆT PHƯƠNG	HSD	76	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NHÀ	HSD	89-90	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN KHÁC TOÀN	HSD	88	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM DUY CHUNG	JS2	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU NGHIỆM	JS2	94	1	10		60	PSV	Vietnamese
22	TRẦN VĂN LỤC	JS2	93	1	8		95	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	13	18	125	915	130	8		
2	HSD	6	8	51	405	0	0		
3	JS2	3	3	23	225	0	14		
TOTAL		22	29	199	1.545	130	22		
WEIGHT KG				199	1.545	130			

GRAND TOAL: 1.874 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



VNII
VNH SOUTH

FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 12/03/2018	TO: P4 - P9 - P2	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - THỤ	ETA: 13:15
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG KHAC DU	P4	80	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HUU THANH	P4					66	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM NGOC HUNG	P4	82	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUNG BAY	P4	79	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN HUYEN	P4	77-78	2	12	20	62	KH-THAC	Vietnamese
6	DO VIET LONG	P4	84	1	7	7	60	CODIEN	Vietnamese
7	PANKRATOV	P4	81	1	12		105	ANTOAN	Russian
8	NGUYEN MANH KHOAN	P4	83	1	5	9	55	NIPI	Vietnamese
9	HO CHE LINH	P2	89	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
10	LE ANH VU	P2	78	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
11	LE SY VANG	P2	83	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI HOANG TAM	P2	88	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
13	DANG QUANG TE	P2	81	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM THANH HIEN	P2	85	1	4	5	80	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG TAN QUAN	P2	86	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRONG KHOI	P2	82	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN NAM	P2	87	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN THAI BINH	P2	84	1	7	17	59	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN CHUONG	P2	77	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG VAN SON	P2	79	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN DUC THUAN	P2	80	1	6		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	8	8	54	555	36	8		CHUYEN 1 PAX P9-P2
2	P9	0	0	0	0	0	0		
3	P2	13	13	78	890	22	14		
TOTAL		21	21	132	1.445	58	22		
WEIGHT KG				132	1.445	58			

GRAND TOAL: 1.635 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2018	TO: P5 - TD3 - BK6	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:50
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: LBinh - MMinh - Năm	ETA: 13:30
vang-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN LY HUONG	P5	03	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN VINH	P5	08	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN MINH THANH	P5	15	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN NGOC	P5	04	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRONG NGHIA	P5	07	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN CAO MANH	P5	12	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO KIM NGHIEP	P5	16	1	15		84	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN QUOC QUAN	P5	14	1	7	54	79	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN THANH DANH	P5	09	1	6		57	CODIEN	Vietnamese
10	ĐANG SU	P5	11	1	5		75	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN DAI THANG	P5	05	1	6		100	CODIEN	Vietnamese
12	PHAM VAN HUAN	P5	10	1	6		59	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TRUONG	P5	13	1	5		65	PSV	Vietnamese
14	LE XUAN TINH	P5	06	1	5		67	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN MAI CUONG	P5	0				60	PSV	Vietnamese
16	CAO VAN ĐAU	TD3	36	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO VAN MAY	TD3	37	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
18	LE VIET CUONG	TD3	39	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM HOANG GIANG	TD3	49	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN CONG KHANH	TD3	38	1	7	167	82	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐAU HUY HOANG	TD3	40-41	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
22	LE VAN THINH	TD3	35	1	5		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	15	14	89	1.043	54	13		
2	TD3	7	8	46	488	167	4		
3	BK6	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	22	135	1.531	221	21		
WEIGHT KG				135	1.531	221			

GRAND TOAL: 1.887 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN